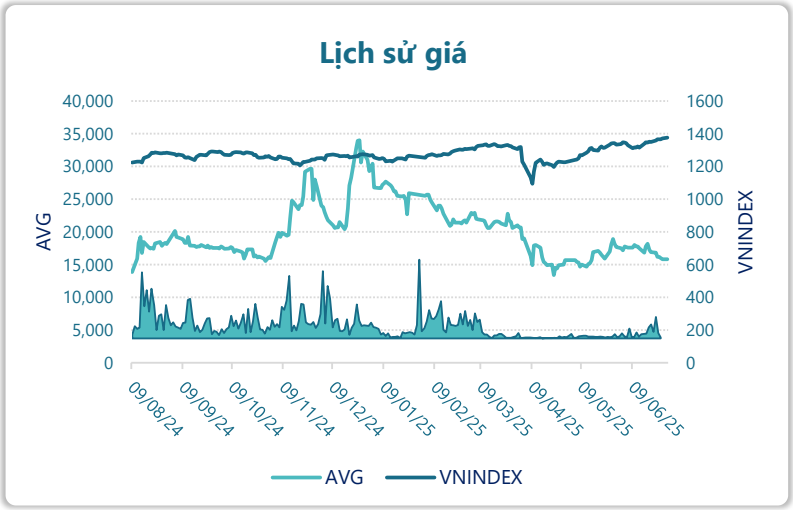
FireAnt

CTCP Phân bón Quốc tế Âu Việt (UPCOM: AVG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
SL cổ phiếu LH	17,679,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)	193,055
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	279
P/E	17.3
EPS	914

DT thuần

Q2/25

190

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -0.3%

YoY: ▲ 21.0| 12.7%

LN sau thuế

Q2/25

1.87

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.12| -68.8%

YoY: ▼0.49| -20.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.4%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

6T 2025

382

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.0| 22.0%

LN sau thuế

6T 2025

7.86

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.43| 77.4%

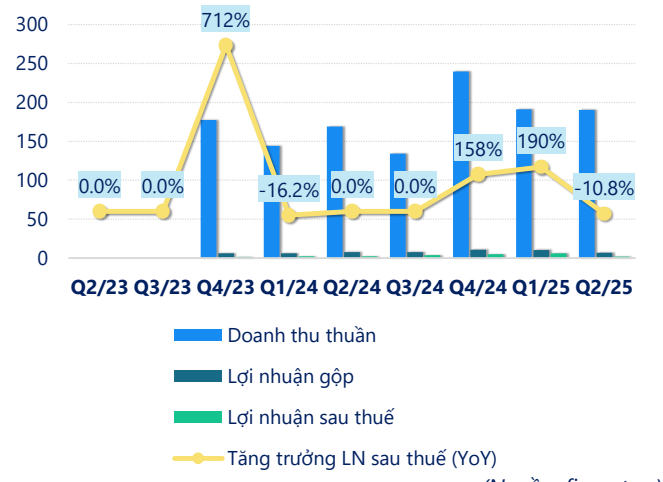
ROE

Q2/25

7.1%

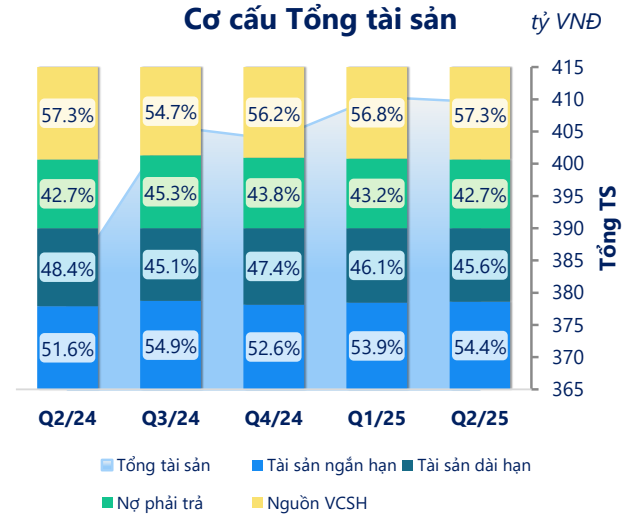
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



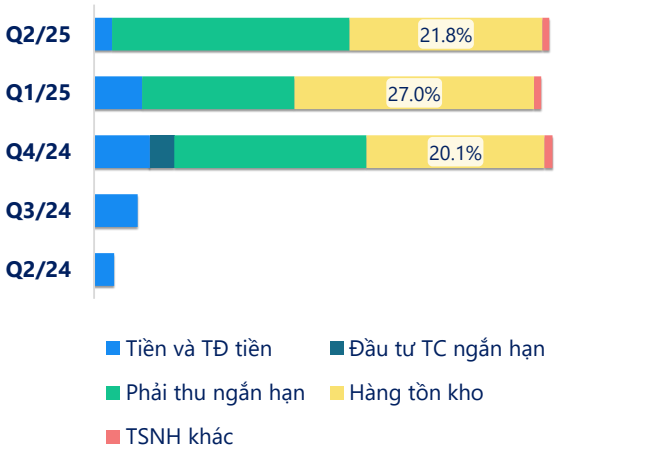
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



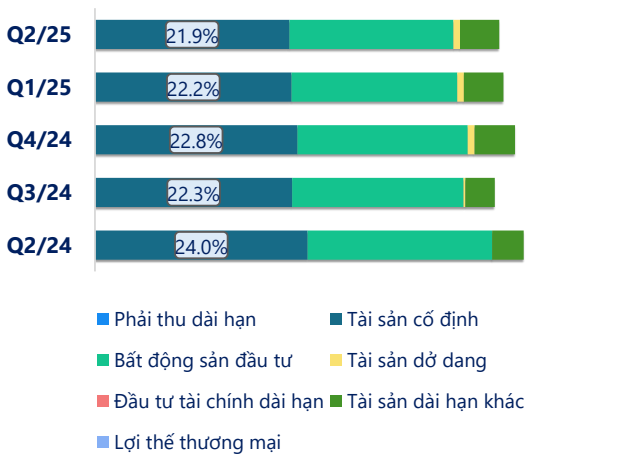
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



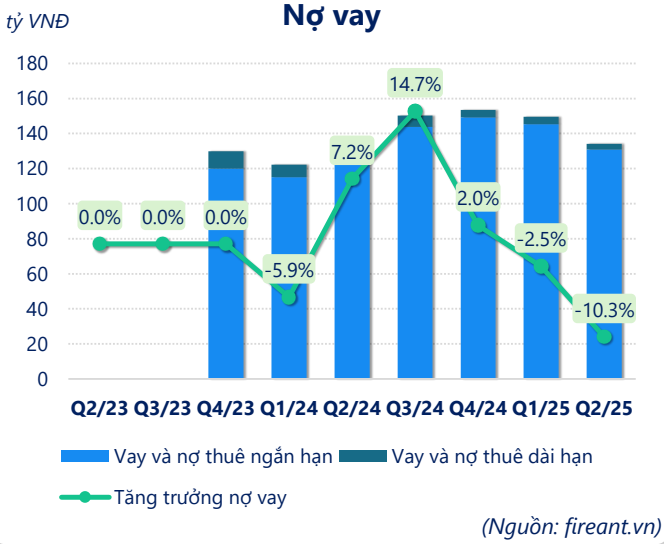
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



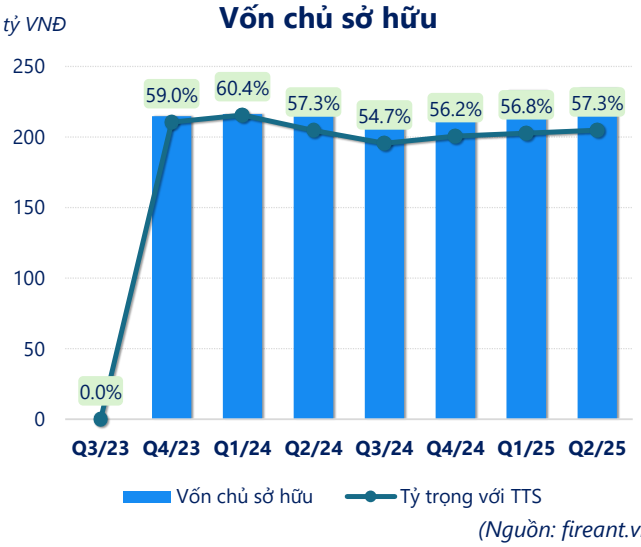
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



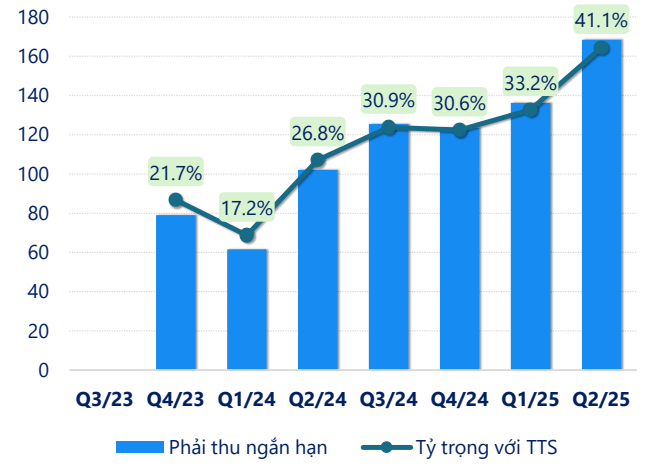
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



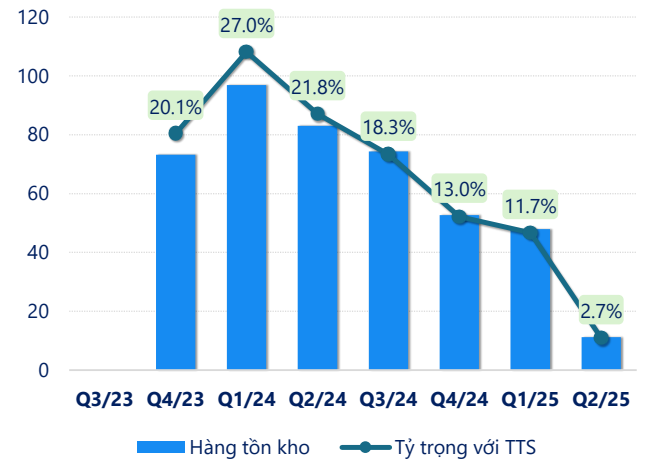
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



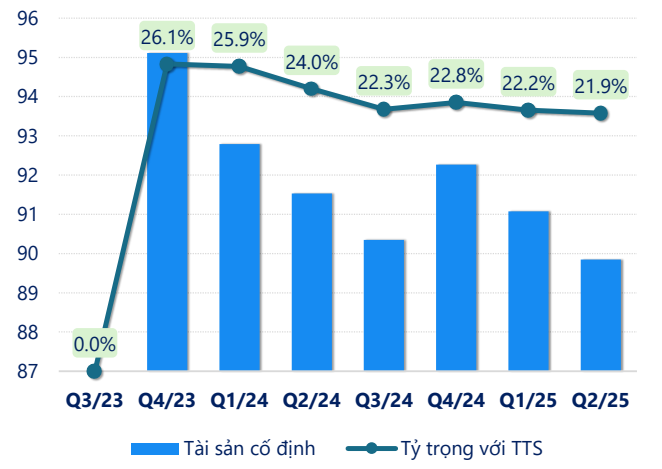
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



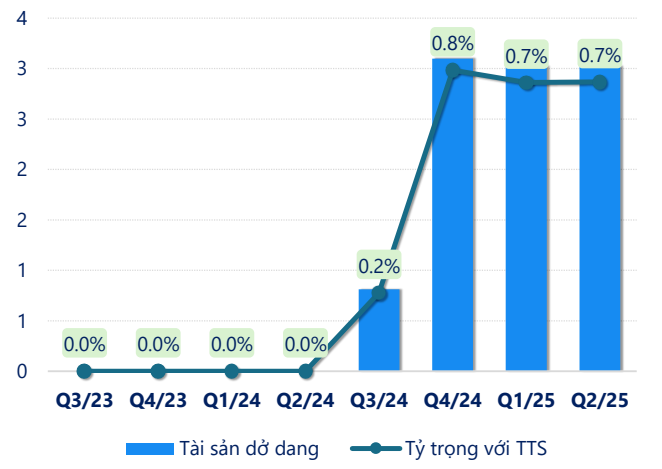
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



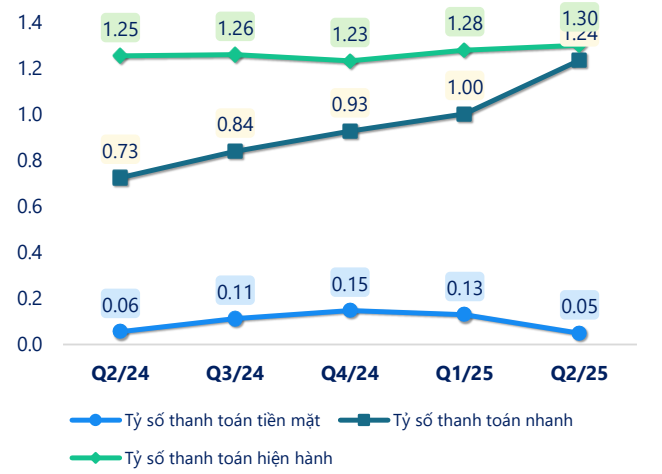
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



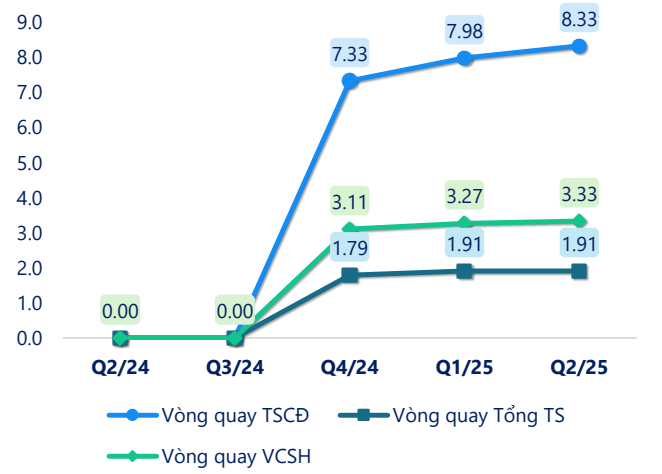
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**381**	**406**	**404**	**410**	**410**
Tài sản ngắn hạn	**197**	**223**	**212**	**221**	**223**
Tiền và tương đương tiền	8.67	19.9	25.4	22.3	8.37
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	7.76	12.2	32.2
Phải thu ngắn hạn	102	126	124	136	168
Hàng tồn kho	83.0	74.3	52.7	47.9	11.2
Tài sản ngắn hạn khác	3.01	2.91	3.01	2.69	2.50
Tài sản dài hạn	**185**	**183**	**191**	**189**	**187**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	91.5	90.3	92.3	91.1	89.8
Bất động sản đầu tư	79.4	78.5	77.6	76.7	75.8
Tài sản dở dang	0	0.81	3.10	3.02	3.02
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.6	13.5	18.4	18.3	18.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**163**	**184**	**177**	**177**	**175**
Nợ ngắn hạn	**157**	**177**	**172**	**173**	**171**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	125	144	149	145	131
Phải trả người bán ngắn hạn	29.8	28.5	20.9	25.1	37.8
Nợ dài hạn	5.85	6.86	4.61	4.61	3.61
Vay và nợ thuê dài hạn	5.65	6.45	4.20	4.20	3.20
Nguồn vốn chủ sở hữu	**219**	**222**	**227**	**233**	**235**
Vốn chủ sở hữu	**219**	**222**	**227**	**233**	**235**
Vốn điều lệ	136	136	177	177	177
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)